

--MSSV\_Ho Phuc Lam\_Tuan01

--Câu 1:Tạo CSDL QLSach bằng SSMS

CREATE DATABASE QLSach

ON PRIMARY

```
(
    NAME = 'QLSach_Data',
    FILENAME = 'T:\QLTV\QLSach_Data.mdf',
    SIZE = 20 MB,
    MAXSIZE = 40 MB,
    FILEGROWTH = 1 MB
```

)

LOG ON

```
(
    NAME = 'QLSach_Log',
    FILENAME = 'T:\QLTV\QLSach_Log.ldf',
    SIZE = 6 MB,
    MAXSIZE = 8 MB,
    FILEGROWTH = 1 MB
```

)

--Câu 2. Tạo cơ sở dữ liệu bằng lệnh T-SQL tại cửa sổ Query Analyzer

--a. Dùng lệnh CREATE DATABASE, tạo CSDL QLBH

CREATE DATABASE QLBH

ON PRIMARY

```
(
    NAME=QLBH_data1,
    FILENAME='D:\BTSQL\QLBH_data1.mdf',
    SIZE = 10MB,
    MAXSIZE = 100MB,
    FILEGROWTH = 1MB
```

)

LOG ON

```
(  
    NAME=QLBH_Log,  
    FILENAME='D:\BTSQL\QLBH.log',  
    SIZE = 6MB,  
    MAXSIZE = 12MB,  
    FILEGROWTH = 1MB  
)
```

--c. Thêm một filegroup có tên là DuLieuQLBH  
ALTER DATABASE QLBH ADD FILEGROUP DuLieuQLBH

--d. Thêm một secondary data file có tên logic là QLBH\_data2 trong filegroup vừa tạo :  
ALTER DATABASE QLBH  
ADD FILE (  
 Name=QLBH\_data2,  
 filename='D:\BTSQL\QLBH\_data2.ndf',  
 size=10MB,  
 maxsize = 100MB,  
 FILEGROWTH=1MB) TO FILEGROUP DuLieuQLBH

--e. Sử dụng sp\_helpfilegroup xem các filegroup đã có  
USE QLBH  
sp\_helpfilegroup

/\*-f. Dùng lệnh Alter Database ... Set ... để cấu hình cho CSDL QLBH có  
thuộc tính là Read\_Only. Dùng sp\_helpDB để xem lại thuộc tính của  
CSDL. Hủy bỏ thuộc tính Read\_Only.\*/  
ALTER DATABASE QLBH SET READ\_ONLY

sp\_helpdb

ALTER DATABASE QLBH SET READ\_WRITE

/\*-g. Dùng lệnh Alter DataBase ... MODIFY FILE ... để tăng SIZE của QLBH\_data1 thành 50 MB. Tương tự tăng SIZE của tập tin QLBH\_log thành 10 MB\*/

```
ALTER DATABASE QLBH  
MODIFY FILE (NAME='QLBH_data1', SIZE=50MB)
```

```
ALTER DATABASE QLBH  
MODIFY FILE (NAME='QLBH_log', SIZE=10MB)
```

--Câu 3.Tạo CSDL QLSV  
-- Liệt kê các table đã tạo  
USE QLSV

```
SELECT * FROM LOP
```

```
SELECT * FROM MONHOC
```

```
SELECT * FROM SINHVIEN
```

```
SELECT * FROM KETQUA
```

--Câu 4. Kiểu dữ liệu (datatype)  
--b. Vào Query Analyzer, chọn QLBH là CSDL hiện hành, định nghĩa các database  
USE QLBH

```
exec sp_addtype Mavung, 'char(10)'
```

```
exec sp_addtype STT, 'int(30)',NULL
```

```
exec sp_addtype SoDienThoai, 'char(13)',NULL
```

```
exec sp_addtype Shortstring, 'char(15)',NULL
```

```
--d. Thực hiện liệt kê danh sách các User-Defined datatype vừa định nghĩa  
SELECT domain_name, data_type, character_maximum_length  
FROM information_schema.domains
```

```
--Hoặc  
SELECT * From Systype
```

```
--e. Tạo bảng ThôngTinKH trong CSDL QL BH  
USE QL BH  
CREATE TABLE ThôngTinKH (  
    MaKH STT PRIMARY KEY,  
    Vung Mavung,  
    Diachi Shortstring,  
    DienThoai SoDienThoai  
);
```

```
--f. Muốn User-Defined datatype được dùng trong tất cả các CSDL thì bạn định nghĩa nó ở đâu?  
/*  
Để User-Defined datatype được sử dụng trong tất cả các CSDL  
cần định nghĩa nó ở mức Server, thường thông qua CSDL master.  
Databases -> System Databases -> master -> Programmability ->  
-> Types -> User-Defined Data Types.  
*/
```

```
--g. Xóa kiểu dữ liệu SoDienThoai.  
USE QL BH  
DROP TYPE SoDienThoai;
```